

BIẾN ĐỔI VỀ SỞ HỮU ĐẤT ĐAI Ở MỘT XÃ NÔNG THÔN VÙNG VEN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (1975 - 2010)

TRỊNH THỊ LỆ HÀ

Bài viết được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu trường hợp xã Hiệp Phước, một xã nông thôn nghèo nằm về phía đông nam của huyện Nhà Bè, TPHCM, vốn có điều kiện tự nhiên không thuận lợi do bị nhiễm mặn khá nặng nề. Sau năm 1975, người dân xã Hiệp Phước được vận động đưa đất vào tập đoàn làm ăn tập thể. Người nông dân từ chỗ là chủ sở hữu đất đai trong kháng chiến đã trở thành người làm chung trong tập đoàn, sở hữu cá thể nhường chỗ cho sở hữu tập thể. Đến năm 1988, với chính sách “khoán 10”, người nông dân được “cởi trói”, họ lại được làm chủ trên mảnh đất của mình. Đến năm 1993, khi Luật Đất đai ra đời, quyền lợi của người nông dân lại được củng cố thêm một bước khi Nhà nước cho phép người dân được mua bán, sang nhượng đất đai. Việc chuyển đổi từ hình thức sở hữu tập thể sang hình thức “sở hữu tư nhân hạn chế” đã thúc đẩy sự phát triển của xã cũng như cải thiện đời sống của người nông dân, nhưng cũng tạo ra một số khó khăn đối với xã hội.

1. VÀI NÉT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ TÌNH HÌNH SỞ HỮU ĐẤT ĐAI TRƯỚC NĂM 1975

1.1. Về địa bàn nghiên cứu

Hiệp Phước là một xã nông thôn nằm về phía đông nam của huyện Nhà Bè, thuộc vùng ven TPHCM; phía đông

giáp xã Bình Khánh (huyện Cần Giờ, TPHCM); phía tây giáp xã Long Hậu (huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An); phía nam giáp xã Phước Vĩnh Đông (huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An); phía bắc giáp xã Long Thới (huyện Nhà Bè, TPHCM). Trong kháng chiến chống Pháp, với thế đất hiểm yếu, chằng chịt sông rạch và bạt ngàn các khu rừng bần, đước, dừa nước, Hiệp Phước là hành lang quan trọng của chiến khu

Trịnh Thị Lệ Hà. Thạc sĩ. Trung tâm Sử học, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Rừng Sác nổi tiếng. Trong kháng chiến chống Mỹ, Hiệp Phước là căn cứ của hai huyện Nhà Bè và Cần Giuộc, nơi đứng chân của nhiều đơn vị vũ trang cách mạng, trong đó có Đoàn 10 đặc công Rừng Sác chủ lực Miền. Đặc biệt, đây còn là nơi tập kết và vận chuyển vũ khí của đường 759 (đường Hồ Chí Minh trên biển) từ miền Tây lên miền Đông Nam Bộ, vào nội thành Sài Gòn.

Cũng như các vùng đất khác của Nam Bộ, những cư dân đầu tiên của Hiệp Phước là những di dân người Việt từ Đàng Ngoài đến đây sinh cơ lập nghiệp. Sau này, còn có dân từ miền hạ tỉnh Long An và các xã khác trong huyện Nhà Bè đến đánh bắt tôm cá, đốn củi làm than, dỡ rừng khai khẩn đất đai để trồng lúa... và cư ngụ lại. Vì vậy, tính chất cộng cư của cư dân nhiều vùng miền là nét đặc trưng của sự hình thành xã Hiệp Phước (Hồ Sơn Đài, 2013, tr. 14-15).

Bài viết là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2014: *Biến đổi về sở hữu và sử dụng đất đai ở nông thôn vùng ven TPHCM (1975 - 2010) (nghiên cứu trường hợp xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM)* (chủ trì Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ). Đề tài này được thực hiện dựa trên việc khai thác tư liệu thành văn là các văn bản, báo cáo lưu trữ tại địa phương, kết hợp với việc ghi chép lịch sử qua lời kể (oral history) qua 30 cuộc phỏng vấn sâu dành cho những người lớn tuổi, sinh sống lâu năm tại địa phương, những người từng tham

gia công tác chính quyền ở xã, những người nông dân bình thường và cả lãnh đạo xã, áp hiện nay.

1.2. Tình hình sở hữu đất đai ở Hiệp Phước trước năm 1975

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, cũng như hầu hết các địa phương khác ở Nam Bộ, ruộng đất ở Hiệp Phước hầu hết do địa chủ chiếm hữu. Ban đầu, địa chủ để cho nông dân “dỡ rừng” khai hoang, canh tác một vài vụ cho đất thuần hoá, sau đó viện cớ là đất đã có chủ, buộc người dân phải giao ruộng lại cho họ. Địa chủ đã cướp ruộng đất của người dân bằng nhiều thủ đoạn. Theo ông N.V.B, một người cao tuổi sinh sống lâu đời ở địa phương, các địa chủ lớn ở Hiệp Phước lúc bấy giờ hầu hết từ quận Cần Giuộc, tỉnh Long An sang xâm canh, chiếm đất, dựa vào thế lực thực dân Pháp để ức hiếp nông dân. Những địa chủ này sở hữu khoảng 30 đến 160 mẫu ruộng thời bấy giờ (phỏng vấn ông N.V.B, 90 tuổi). Mất ruộng, người nông dân phải đi làm thuê cho địa chủ. Địa chủ nắm tá điền thông qua một tầng lớp trung gian gọi là “bao tá”, những người này thu tô hưởng phần trăm trên số lượng lúa của người nông dân nộp cho địa chủ. Khi thu nhiều thì “bao tá” được hưởng phần trăm nhiều, do đó họ không từ bỏ bất cứ một thủ đoạn nào để thu lợi.

Thực tế, làm thuê cho địa chủ không đủ trang trải cuộc sống gia đình nên hầu hết tá điền đều phải vay tiền và lúa ăn trước, “cứ 10 gạ lúa vay đến mùa phải trả cho địa chủ 14 gạ, ‘lãi

mẹ đẻ lẫn con', làm cực khổ quanh năm đến vụ thu hoạch, lúa mang về có khi phơi chưa kịp khô đã bị địa chủ đến thu hết" (phỏng vấn ông N.V.B, 90 tuổi). Bên cạnh sự bóc lột của địa chủ, người dân mỗi năm còn phải nộp 7,5 đồng thuế thân. Ngoài thuế thân, người nông dân còn phải gánh chịu một số loại thuế khác nữa. Nhiều nông dân do nợ nần chồng chất, phải bỏ làng đi nơi khác sinh sống.

Sau Cách mạng tháng Tám và trong những năm kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), ở Hiệp Phước có sự biến đổi về sở hữu ruộng đất. Thời kỳ này địa chủ hầu hết đều bỏ chạy lên thành phố. Do đó, chính quyền cách mạng xã đã tịch thu trên 1.500 mẫu ruộng của địa chủ cấp cho dân nghèo, người nông dân bước đầu trở thành "người cày có ruộng" (Hồ Sơn Đài, 2013, tr. 17). Thông qua đó, chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân theo hình thức hộ gia đình được xác lập.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Hiệp Phước trở thành căn cứ cách mạng của hai huyện Nhà Bè và Cần Giuộc nên bị bom pháo của quân Mỹ và quân Sài Gòn dội xuống hàng ngày, bị quân lính càn quét, đánh phá liên tục. Vì vậy, hoạt động sản xuất của nhân dân hầu như bị ngưng trệ. Chỉ có hai thời đoạn một bộ phận người dân có tiếp tục canh tác ở đây, đó là khoảng các năm 1963 và 1967, do sự khuyến khích của lực lượng cách mạng. Tuy đây là giai đoạn sản xuất nông nghiệp rất khó khăn, nhưng người nông dân vẫn giữ được quyền làm chủ trên mảnh ruộng của mình.

2. SỞ HỮU ĐẤT ĐAI TRONG THỜI KỲ TẬP THỂ HÓA NÔNG NGHIỆP (1975 - 1987)

Mô hình sản xuất tập thể trong nông nghiệp đã được Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 14 đề ra vào tháng 11/1958, sau đó được triển khai thực hiện trên toàn miền Bắc. Sau năm 1975, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (9/1976), chủ trương thống nhất đất nước về mọi mặt, trong đó có mô hình kinh tế sản xuất nông nghiệp tập thể.

Đầu năm 1977, Nghị quyết Đảng bộ huyện Nhà Bè lần thứ nhất nhiệm kỳ 1977 - 1979 đã xác định: "tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp, đồng thời phát động phong trào đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, cải tạo nông nghiệp và thay đổi cơ bản quan hệ sản xuất, theo hướng tổ chức phân công lao động hợp lý, tăng vụ, tăng năng suất, tăng tích lũy và xuất khẩu, nâng cao mức sống của người dân về mọi mặt" (dẫn theo Hồ Sơn Đài, 2007, tr. 29).

Theo chủ trương chung, năm 1977, Đại hội Chi bộ xã Hiệp Phước lần thứ I (nhiệm kỳ 1977 - 1979) ra Nghị quyết: "1. Vận động, tổ chức đưa nhân dân vào con đường làm ăn tập thể, từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới, thành lập các tổ đoàn kết và tập đoàn sản xuất, tiến tới thành lập các hợp tác xã nông nghiệp; 2. Tiến hành điều chỉnh đất đai, khai hoang phục hóa, phủ xanh đồng ruộng, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho người dân; 3. Đẩy mạnh công tác thủy lợi, xây dựng hệ thống kênh mương nội

đồng; 4. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm cùng công tác nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản” (Chi bộ xã Hiệp Phước, 1977, tr. 1).

Chính quyền xã Hiệp Phước cũng thể hiện quyết tâm thực hiện chủ trương trên cho rằng: “tổ chức phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp là con đường tất yếu và là con đường duy nhất để đưa nông dân từ sản xuất nhỏ cá thể đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa” (Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, 1985, tr. 3).

Ngay từ khi mới bắt đầu thực hiện, phong trào tập thể hóa nông nghiệp diễn ra khá rầm rộ ở Hiệp Phước, ban đầu là hình thức tổ đoàn kết sản xuất (kiểu vắn đổi công), sau đó phát triển lên tập đoàn sản xuất (Hồ Sơn Đài, 2007, tr. 31). Lúc bấy giờ xã có hai tập đoàn thí điểm đầu tiên là Tập đoàn 26 và 39 (Ủy ban Nhân dân xã Hiệp Phước, 1985, tr. 3). Mặc dù nông dân không muốn giao đất sở hữu riêng cho tập đoàn, nhưng trước sự vận động, tuyên truyền của cán bộ xã, hầu hết nông dân đã tham gia, bởi họ bị đặt vào tình huống “không theo không được”. Ông N.V.L - Bí thư Chi bộ xã Hiệp Phước vào thời điểm này cho biết: “Muốn dân nghe theo, vào tập đoàn thì trước hết xã phải đi vận động dữ lắm. Lúc đó nói với họ rằng vào tập đoàn làm chung, hưởng chung thì sẽ được Nhà nước quan tâm, được bán thiếu, rồi con cái của họ cũng sẽ được học hành đàng hoàng hơn, rồi thì họ cũng thuận tình nghe theo” (phỏng vấn ông N.V.L, 68

tuổi). Mặc dù, trên danh nghĩa người dân tự nguyện đưa ruộng đất của mình vào tập đoàn, nhưng thực tế đã xảy ra sự cưỡng ép. Ông P.V.Đ, người từng giữ chức Phó Bí thư và Bí thư xã Hiệp Phước từ năm 1988 đến năm 2000 cho biết: “Vận động nhưng cũng có biện pháp, hồi đó có tem phiếu 13 mặt hàng đó, nếu ai mà không vô tập đoàn coi như là bị cắt cái đó. Ai không vô tập đoàn thì con sinh ra không được khai sanh. Rồi ai mà không vô tập đoàn thì lấy sổ phiếu mua hàng đó, ép vô hết” (phỏng vấn ông P.V.Đ, 58 tuổi). Như vậy, người nào không chịu vào tập đoàn quyền lợi sẽ bị ảnh hưởng, không chỉ ảnh hưởng đến miếng cơm manh áo, mà còn ảnh hưởng đến cả tương lai con cái của họ nữa. Trong tình thế đó họ buộc phải theo. Vì vậy, tất cả ruộng đất cuối cùng đều được đưa vào tập đoàn để làm ăn tập thể.

Tuy nhiên, vào năm 1978, khi hai tập đoàn thí điểm bắt đầu đi vào làm ăn tập thể, xã Hiệp Phước bị mất mùa nặng do sâu rầy. Xã mỗi năm chỉ làm một vụ lúa, nên việc mất mùa khiến dân bị đói nặng. Người dân Hiệp Phước hầu như không ai quên được năm đói kém khủng khiếp này và họ cho rằng đây là năm đói kém nhất từ trước cho đến nay. Ông N.H.B, một nông dân ở Hiệp Phước kể lại: “Trời ơi lúc đó khó khăn, mình làm vất vả lắm, làm riết mà nói chung là bàn thờ cũng phải mang đi xuống vùng 4 (Đồng bằng sông Cửu Long – TG). Nói chung một trăm nhà đều đưa

xuồng đi xuống vùng 4 mua gạo về ăn. Có người không có vốn, mang bàn thờ, mang ván, mang ghế, đem xuồng đó đổi, rồi mang gạo về đem bán kiếm để ăn, mà nó không đủ. Tới mãi sau cái lúc Liên Xô tài trợ mì, trời ăn cái đó gần chết (ý là phải ăn mì thay cơm rất nhiều – TG)” (phỏng vấn ông N.H.B, 68 tuổi).

Trước tình hình đói kém như vậy, việc thực hiện chuyển đất đai từ sở hữu cá thể của người nông dân thành sở hữu tập thể trong giai đoạn này dường như chỉ trên danh nghĩa. Thực tế, để đất nông nghiệp không bị bỏ hoang, tập đoàn đã giao lại đất cho các hộ nông dân tự canh tác. Tập đoàn cũng không thể huy động nông dân đồng loạt ra đồng, do lúc này họ bị thiếu ăn, phải chạy vạy khắp nơi. Việc sản xuất thí điểm ở hai tập đoàn 26 và 39 của xã Hiệp Phước vào những năm 1978 - 1979 coi như thất bại. Từ thực tế này, vào năm 1980, Huyện ủy Nhà Bè đã đề ra chủ trương “Khoán 46”, thực tế là giao đất cho từng hộ nông dân, nhằm mục đích đẩy mạnh sản xuất, nhưng không được cấp trên chấp thuận (Hồ Sơn Đài, 2007, tr. 34). “Khoán 46” ở Nhà Bè ra đời có lẽ trước hết xuất phát từ việc những người đứng đầu không thể nào thực hiện được việc tập thể hóa, vì dân không tán thành. Tuy nhiên, những ý tưởng “phá rào” như vậy cũng khá phổ biến ở các địa phương Nam Bộ lúc bấy giờ. Có lẽ đó chính là lý do khiến Ban Bí thư Trung ương Đảng phải xem xét lại chủ trương của mình.

Và đến ngày 31/01/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 100-CT/TW về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp”, được gọi tắt là “Khoán 100”. Đây chính là “bước đột phá mở đường cho quá trình đổi mới quản lý trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Chỉ thị 100 đã hợp thức hóa hiện tượng “khoán chui” của một số hợp tác xã, xóa bỏ tình trạng cấp trên ngăn cấm, cấp dưới làm chui về khoán gọn từng khâu công việc cho người lao động chủ động thực hiện” (Hoàng Việt, 1999, tr. 40). Chính sách “khoán 100” cho phép áp dụng rộng rãi chế độ khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, mà thực chất là đến từng hộ gia đình nông dân. Vì vậy, tuy lúc này, ruộng đất vẫn thuộc sở hữu tập thể nhưng được giao cho hộ gia đình đảm nhận. Gia đình nông dân đã được trao lại quyền làm chủ một số khâu trong quy trình sản xuất nông nghiệp là: gieo cấy, chăm bón và thu hoạch. Còn lại các khâu: làm đất, làm giống, phòng trừ sâu bệnh và bảo vệ đồng ruộng vẫn do hợp tác xã điều hành. Điều này đã tạo ra sự kích thích trở lại đối với các hộ gia đình nông dân. Họ không ngần ngại đầu tư thêm vốn, vật tư, lao động để thâm canh trên mảnh ruộng nhận khoán, nhằm thu về phần sản lượng cao hơn mức quy định của hợp tác xã.

Đến năm 1981, các tập đoàn sản xuất nông nghiệp ở huyện Nhà Bè đồng loạt tan rã. Tình trạng ở Hiệp Phước

cũng giống như vậy, hầu hết nông dân tự thu hoạch và sử dụng kết quả sản lượng lúa trên diện tích khoán của mình (Hồ Sơn Đài, 2007, tr. 64). Tuy nhiên, khi tập đoàn tan rã, ở Hiệp Phước cũng như trên toàn huyện đã xảy ra tình trạng một số hộ nông dân không có đất canh tác, lý do là các hộ nông dân này trước khi vào tập đoàn không có ruộng riêng của mình, canh tác dựa trên ruộng đất chung của tập đoàn nhưng nay tất cả đất đã trả về cho các chủ đất cũ.

Trước tình hình đó, năm 1983, Đảng bộ huyện Nhà Bè chủ trương điều chỉnh ruộng đất, rút bớt một phần ruộng của trung nông chia cho những người nông dân không có ruộng và thiếu ruộng (Hồ Sơn Đài, 2007, tr. 34). Chủ trương này được cụ thể hóa bằng chỉ thị số 44/CT-HU (1983) về đẩy mạnh công tác điều chỉnh ruộng đất. Theo chủ trương này, đất đai được chia theo bình quân đầu người. Diện tích bình quân thay đổi tùy theo dân số và diện tích của mỗi ấp. Nếu đất rộng mà dân ít thì bình quân đầu người sẽ cao và ngược lại. Ở Hiệp Phước, trung bình mỗi nhân khẩu được chia từ 2 đến 3 công đất (tức từ 2.000m² đến 3.000m²). Trẻ con trên 6 tuổi cũng được tính như người lớn, còn dưới 6 tuổi thì sẽ được tính bằng một nửa phần của người lớn. Trong quá trình phân chia bình quân ruộng đất theo đầu người, đối với trường hợp những hộ nông dân sinh sống ở địa phương khác nhưng có đất canh tác ở Hiệp Phước (gọi là đất “phụ canh”), chính quyền cũng buộc họ

phải lựa chọn một trong những nơi đó để canh tác và tiến hành chia bình quân ruộng đất như những trường hợp khác. Bên cạnh đó, chính quyền xã vận động những hộ có diện tích trên 2.000m²/khẩu, nếu dư từ 5.000m² trở lên thì nhường lại số diện tích đó cho những hộ gia đình thiếu đất canh tác. Trong năm 1983, có 175 hộ đồng ý giao cắt 69,7ha để chính quyền xã cấp cho 239 hộ (688 nhân khẩu) không có ruộng và thiếu ruộng. Trong đó, hộ giao cắt nhiều nhất là 50 công (50.000m²) (Ủy ban Nhân dân xã Hiệp Phước, 1985, tr. 4).

Cùng với công tác điều chỉnh ruộng đất, trong năm 1983, xã xây dựng thí điểm lại một tập đoàn sản xuất, gọi là Tập đoàn 1 tại ấp 1 (vốn là Tập đoàn 26 trước đây bị tan rã), gồm 33 hộ, 144 nhân khẩu với tổng diện tích đất được tập thể hóa là 33ha. Lúc bấy giờ, chủ trương “khoán 100” của Đảng đã được các địa phương áp dụng trên cả nước, nhưng vào thời điểm mới thành lập, Tập đoàn 1 vẫn tổ chức làm ăn theo hình thức “đánh kèng ăn công” chứ chưa thực hiện theo Khoán 100. Bà P.T.H, vốn là một nông dân thuộc Tập đoàn 1 kể lại: “Ruộng đất đưa vô tập đoàn hết ráo, nay tập trung cấy chỗ này, mai cấy chỗ khác, hông có phân biệt lúa của ai hết. Thí dụ nói mai cấy là 7 giờ sớm mai phải có mặt ở ruộng hết. Hô nước lớn thì nhỏ mạ cấy, cứ vậy đó... Nếu ai không làm thì không có điểm, vì đi làm thì được ghi tên cột, kèo, điểm danh tính điểm. Khi đã làm xong hoàn thành đập lúa rồi chia, cô làm 10 ngày thì chia 10 gạ,

còn cô làm 5 ngày thì 5 gạ, ví dụ vậy” (phỏng vấn bà P.T.H, 75 tuổi).

Sản phẩm sau khi thu hoạch thì được giao nộp tại Tập đoàn, sau đó được tính theo điểm. Việc tính điểm này chỉ dựa trên việc người lao động có mặt tại đồng ruộng, không phân biệt lao động nhiều hay lao động ít. Do đó, cách tính công điểm này không tạo ra sự công bằng đối với người nông dân. Ông P.V.D, người từng giữ chức Chủ tịch, Bí thư xã Hiệp Phước từ năm 2000 đến năm 2010 cho biết: “Có những người thích làm ruộng và làm chăm chỉ, một năm họ làm được mấy chục, thậm chí là vài thiên lúa, nhưng mà khi đưa toàn bộ đất vào tập đoàn 1 đó, những người thích làm ruộng đó, khi đưa vô chấm công, chấm điểm họ không được 5 gạ lúa, không được 100kg lúa, còn một số người không chịu làm nhưng cũng được cào bằng bình quân, bởi thế dân họ bất mãn” (phỏng vấn ông P.V.D, 56 tuổi).

Đến cuối năm 1984, xã tiếp tục thành lập thêm 13 tập đoàn, nâng số tập đoàn sản xuất tại 4 ấp trong xã Hiệp Phước lên 14 tập đoàn, với tổng diện tích đất được tập thể hóa là 665.111,6ha (chiếm 31,5% trên tổng diện tích 2.100ha đất nông nghiệp của xã) (Ủy ban Nhân dân xã Hiệp Phước, 1985, tr. 4). Đến thời điểm này chính sách “khoán 100” bắt đầu được chính thức áp dụng trên 14 tập đoàn ở Hiệp Phước. Năm 1985, Hiệp Phước có 32 tập đoàn sản xuất với tổng diện tích 2.100ha, cùng với tổng số hộ vào tập

đoàn sản xuất là 2.107/2.217 hộ (đạt 95%), đồng thời Tập đoàn 1 được được nâng lên thành Hợp tác xã nông nghiệp 1 (Ủy ban Nhân dân xã Hiệp Phước, 1985, tr. 4). Với việc áp dụng chính sách khoán này, tất cả đất đai trên danh nghĩa vẫn thuộc tập đoàn quản lý, nhưng thực tế người nông dân tự tiến hành canh tác, chăm sóc, thu hoạch trên mảnh ruộng đã được chia theo chính sách “bình quân” trước đây. Với chính sách này, mọi thứ không còn cào bằng như trước, thay vào đó tập đoàn quy định với mỗi công đất người nông dân phải đóng một khối lượng lúa nhất định cho tập đoàn, nên nhiều nông dân cố gắng làm dư nhiều để được hưởng nhiều. Tuy nhiên, chủ sở hữu đất đai vẫn là tập đoàn và hợp tác xã, người nông dân thực chất chỉ như là người làm công cho tập đoàn (mặc dù luôn được gọi là người làm chủ tập thể).

Như vậy, từ năm 1975 đến năm 1987, với tư cách đại diện cho thành phần kinh tế tập thể, các tập đoàn và hợp tác xã quản lý hầu hết đất sản xuất nông nghiệp. Chế độ sở hữu ruộng đất đã có sự thay đổi lớn. Cùng là chính sách ruộng đất của cách mạng, nhưng trong thời kỳ kháng chiến, sở hữu ruộng đất theo hộ gia đình chiếm ưu thế, người nông dân thực sự là người chủ sở hữu trên mảnh ruộng mà cách mạng đã đem lại cho họ, còn sau năm 1975, hình thức sở hữu ruộng đất cá thể theo hộ gia đình đã được thay thế bởi hình thức sở hữu tập thể. Nhưng tình trạng ăn chung,

làm chung đã dẫn tới trì trệ, khiến cho hiệu quả sử dụng đất xuống mức thấp nhất.

3. SỞ HỮU ĐẤT ĐAI TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI QUẢN LÝ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP (1988 - 2010)

Tháng 12/1986, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị (Khoá VI) ra Nghị quyết 10 về *Đổi mới quản lý nông nghiệp* (gọi tắt là Khoán 10). Theo đó, ruộng đất vẫn thuộc sở hữu tập thể nhưng người nông dân có quyền sử dụng ổn định, lâu dài tùy theo loại cây canh tác. Bên cạnh quyền chủ động sử dụng ruộng đất vào mục đích sản xuất kinh tế theo quy định của Nhà nước, người nông dân còn có quyền chuyển đổi, sang nhượng, cho thuê, thế chấp ruộng đất. Như thế, “về thực chất ruộng đất đã chuyển từ chế độ sở hữu tập thể sang chế độ công hữu tư dụng (tức là sở hữu tư nhân hạn chế)” (Nguyễn Văn Khánh, 2013, tr. 3). Sở dĩ gọi là “sở hữu tư nhân hạn chế” vì Hiến pháp nước ta đã quy định rõ Nhà nước là người đại diện cho lợi ích toàn dân, thực hiện quyền sở hữu ruộng đất, nhưng Nhà nước lại không trực tiếp sử dụng ruộng đất mà giao cho các tổ chức, cá nhân sử dụng. Những người được giao quyền sử dụng ruộng đất không có quyền chiếm hữu, quyền định đoạt đối với ruộng đất (Hoàng Việt, 1999, tr. 61). Tuy có hạn chế về mức độ sở hữu, nhưng sự chuyển biến về hình thức

sở hữu ruộng đất đã tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai, đặc biệt là đất sản xuất nông nghiệp.

Ngay trong năm 1988, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy TPHCM đã ra Nghị quyết 7/TU về giao quyền quản lý và sử dụng đất lại cho nông dân. Tiếp đó, Huyện ủy huyện Nhà Bè đã ban hành Nghị quyết 01 năm 1989 để giải quyết vấn đề ruộng đất trong toàn huyện.

Tại Hiệp Phước, chính quyền xã đã thành lập Hội đồng Giải quyết ruộng đất do ông Trần Ngọc Văn, lúc bấy giờ là Bí thư Đảng bộ xã phụ trách, nhằm giải quyết các vấn đề trong khi chia lại ruộng đất cho nông dân. Ông P.V.D, thời kỳ này đang là chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp 1 kể lại: “Tổ công tác này bao gồm lãnh đạo xã, cán bộ địa chính, lãnh đạo các ấp, đại diện các đoàn thể, chủ nhiệm các hợp tác xã, mỗi ngày đều đến trực ở Ủy ban giống như đi làm việc vậy, ai tới thì đem đơn vô. Cán bộ địa chính mở bản đồ giải thửa ra, rồi xác định vị trí đất đó nằm ở đâu, sau đó bắt đầu lập biên bản trả lại, rồi dân mới xuống đăng ký lại, hoặc là ngay lúc đó tổ chức cho đăng ký lại luôn” (phỏng vấn ông P.V.D, 56 tuổi).

Người nông dân Hiệp Phước rất phấn khởi với chính sách “khoán 10” này, và hầu như 100% đều làm đơn xin Nhà nước trả lại phần ruộng đất trước kia đưa vào tập đoàn, hợp tác xã. Ông N.V.B là một người sinh sống rất lâu

năm ở địa phương cho biết: “Hồi làm tập đoàn đó xáo trộn dữ, dân tình cũng xáo trộn, rồi tập đoàn tui mừng lắm, được là chủ mảnh đất mà mình đã đổ mồ hôi khai hoang mới có được” (phỏng vấn ông N.V.B, 90 tuổi).

Sau khi thực hiện “khoán 10”, tất cả người dân Hiệp Phước đều được nhận lại phần đất của mình. Những hộ trước đây dư đất, phải cắt cho hộ khác thì đến lúc này cũng được trả lại đầy đủ. Ngược lại, những hộ ít đất, được cấp thêm thì cũng phải trả đất về cho chủ cũ.

Theo thống kê của xã thì trong năm 1989, xã đã giải quyết 560 đơn xin lại đất (với diện tích 460ha), năm 1990 giải quyết 59 đơn (với diện tích 30ha), năm 1991 giải quyết 3 đơn (với diện tích 1ha) (Hồ Sơn Đài, 2013, tr. 122). Mỗi người dân khi được giải quyết việc trao trả đất đai sẽ được chính quyền cấp cho một tờ giấy xác nhận, gọi là “Giấy cấp đất”. Cho đến năm 1997, xã Hiệp Phước đã nhận 1.990 hồ sơ với diện tích 1.914ha, gồm có 6.005 thửa; đã cấp giấy cấp đất cho 1.016 hộ, với diện tích 883ha (Hồ Sơn Đài, 2013, tr. 123).

Từ sau sự kiện khoán 10, chế độ sở hữu ruộng đất đã có sự chuyển biến rõ rệt. Xét về mặt pháp lý, ruộng đất vẫn thuộc sở hữu của tập thể, nói một cách đúng hơn là sở hữu toàn dân, nhưng nông dân đã được giao khoán ruộng đất ổn định lâu dài trong khoảng từ 10 đến 15 năm. Nếu như trước kia, người nông dân chỉ như người làm công cho hợp tác xã, giờ đây họ bắt

đầu trở lại làm chủ ruộng đất và việc sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, Luật Đất đai năm 1988 vẫn còn qui định người nông dân không được chuyển quyền sử dụng đất, hay nói ngắn gọn là mua bán đất. Đến Luật Đất đai năm 1993 (được Quốc hội thông qua ngày 14/7/1993) ngược điểm trên được khắc phục. Đây chính là bước đột phá thứ ba trong việc quản lý và sử dụng đất đai. Ruộng đất tuy vẫn thuộc sở hữu Nhà nước nhưng “hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất” (Luật Đất đai năm 1993, tr. 7). Việc mua bán đất đai đã chính thức được Nhà nước thừa nhận. Mặc dù Luật Đất đai năm 1993 còn hạn chế về số năm người nông dân được sử dụng ruộng đất và số hecta đất được quyền chuyển nhượng; song có thể nói, lúc này quyền sử dụng đất đai của người nông dân đã gần như bao quát đầy đủ các quyền lợi liên quan đến đất đai. Được làm chủ mảnh đất của mình, người nông dân gắn bó hơn với đất, tích cực sáng tạo trong công ăn việc làm. Kể từ năm 1988, ở Hiệp Phước bắt đầu xuất hiện nhiều mô hình làm ăn mới có hiệu quả hơn, như trồng lan, nuôi tôm cá... Ông P.V.Đ, một người dân trong xã nhận xét: “Đời sống người dân từng bước nó đi lên, tại vì người ta tính toán trên cái thửa ruộng của họ, họ làm bao nhiêu thì cho nó hiệu quả nhất, rồi họ phân công cho gia đình họ, xong rồi họ muốn làm ao họ làm, họ muốn đổi

cái gì họ đổi, hoặc là họ bỏ, cho nên nó thuận lợi. Còn lúc mà tập đoàn, hợp tác xã, lúc bà con người ta ngao ngán dữ lắm” (phỏng vấn ông P.V.Đ, 58 tuổi).

Luật Đất đai năm 1993 ra đời cùng thời điểm với chủ trương xây dựng Khu công nghiệp Hiệp Phước, nhà máy điện Hiệp Phước, vì vậy đã góp phần thúc đẩy tình trạng mua bán, chuyển quyền sử dụng đất diễn ra phổ biến ở xã. Tuy nhiên, ngoài việc mua bán đất hợp pháp qua đại diện của chính quyền thì cũng không ít hộ dân chỉ mua bán bằng giấy tờ ngầm với nhau, tạo nên tình trạng lộn xộn trong quản lý đất đai ở địa phương.

Đối tượng bán đất đầu tiên sau khi tập đoàn tan rã chính là những người có đất “phụ canh”, tức là họ sống nơi khác nhưng lại có đất ở Hiệp Phước. Những người này vốn ở các vùng lân cận Hiệp Phước, chủ yếu là từ Long An đến khai phá đất sau năm 1975. Sau khi đưa đất vào tập đoàn, họ bị buộc phải chọn một trong hai mảnh đất đó để tập đoàn thực hiện chia “bình quân ruộng đất” theo đầu người, mảnh còn lại sẽ phải giao cho tập đoàn khác quản lý. Mặc dù sau chính sách “khoán 10” thì họ vẫn được trả lại tất cả mảnh đất của mình, nhưng vì “họ sợ tập đoàn lại lấy ruộng họ, nên họ bán, họ bán hết ráo” (phỏng vấn ông N.V.B, 90 tuổi). Cũng có những người bán đất vì quá túng thiếu. Vì thời bấy giờ, tuy ruộng đất đã được trả về cho hộ làm ăn cá thể nhưng vì điều kiện thiên nhiên không thuận lợi,

nguồn nước ngày càng nhiễm mặn nên đời sống người nông dân khó khăn, từ đó họ nảy sinh ý định bán đất. Tất cả hoạt động mua bán thời kỳ này đều chưa được pháp luật cho phép.

Đến năm 1993, khi Luật Đất đai mới cho phép thì hiện tượng mua bán đất nông nghiệp càng phổ biến hơn. Đặc biệt, khi Khu công nghiệp Hiệp Phước và các công trình phục vụ Khu công nghiệp được xây dựng, đất ở Hiệp Phước bắt đầu có giá hơn, việc mua bán đất đai càng rầm rộ hơn. Người mua đất chủ yếu là ở nơi khác đến, họ muốn mua để “đầu cơ tích trữ”, chờ ngày vào quy hoạch của khu công nghiệp Hiệp Phước để được đền bù.

Thời gian đầu mới giao trả ruộng đất, tranh chấp đất đai ít xảy ra, nhưng từ năm 1993 - 1994, hiện tượng tranh chấp đất đai xảy ra nhiều hơn. Năm 1994 - 1995, xã nhận 45 đơn tranh chấp đất đai, (Hồ Sơn Đài, 2013, tr. 122). Tranh chấp đất đai xảy ra chủ yếu giữa người dư đất và người thiếu đất trong thời kỳ bình quân ruộng đất. Sau khi tập đoàn tan rã, trên nguyên tắc là đất của ai thì trả về cho người đó, nhưng có những người không chịu thực hiện, họ không trả mảnh đất đó cho chủ cũ, mà trả mảnh đất khác không tốt bằng. Ngoài ra, trong quá trình đi đăng ký lại đất đai sau năm 1988, do sai sót của cán bộ địa chính nên để xảy ra tình trạng các thửa đất chồng lên nhau, gây nên mâu thuẫn giữa các hộ nông dân. Có những vụ tranh chấp kéo dài nhiều năm liền, gây bất ổn trong xã hội.

5. KẾT LUẬN

Hiệp Phước là một xã nông thôn, mang đầy đủ những đặc trưng của nông thôn ngoại thành vùng Đông Nam Bộ trong quá trình đô thị hóa. Từ năm 1975 đến năm 2010, quyền sở hữu đất đai của người nông dân đã dần chuyển từ “sở hữu tập thể” sang “sở hữu tư nhân hạn chế”. Sự chuyển đổi này nhìn chung đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của người dân, phát huy được tính tích cực, chủ động của người nông dân đối với mảnh đất của mình. Tuy nhiên, nó cũng đặt ra một số thách thức nhất định. Để nâng cao hiệu quả quyền sở hữu đất đai cho người nông dân, bài viết xin đề xuất một số kiến nghị về phía chính quyền, với mong muốn góp phần vào việc hoạch định chính sách phát triển toàn diện cho Hiệp Phước nói riêng và các xã đang trong quá trình đô thị hóa ở Đông Nam Bộ nói chung:

- Việc mua bán, chuyển nhượng đất đai cần phải được thực hiện dưới sự bảo hộ của pháp luật. Bởi những cuộc chuyển nhượng đất trái phép vừa gây sự bất ổn trong xã hội, vừa có thể tạo ra sự rủi ro đối với quyền sở hữu đất của người dân. Chính quyền xã cần tổ chức giáo dục, tuyên truyền cho người nông dân hiểu rõ quyền, nghĩa vụ của họ đối với mảnh đất của mình, qua đó cũng nhằm giảm bớt tình trạng chuyển nhượng đất đai trái phép.

- Để giảm tình trạng tranh chấp, khiếu kiện về đất đai, chính quyền địa phương cần bắt đầu bằng việc quản lý đất đai một cách chặt chẽ hơn, đặc biệt là nâng cao năng lực của cán bộ địa chính, giảm bớt những sai sót trong giải quyết vấn đề đất đai, qua đó phần nào làm giảm bớt tình trạng tranh chấp đất đai do nguyên nhân từ sự quản lý của chính quyền. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Chi bộ xã Hiệp Phước. 1977. *Báo cáo chính trị tại Đại hội Chi bộ xã Hiệp Phước lần thứ nhất*, nhiệm kỳ 1977 - 1979.
2. Hồ Sơn Đài (chủ biên). 2007. *Lịch sử Đảng bộ huyện Nhà Bè (1975 - 2005)*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
3. Hồ Sơn Đài (chủ biên). 2013. *Lịch sử truyền thống của Đảng bộ và nhân dân xã Hiệp Phước*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
4. Hoàng Việt (chủ biên). 1999. *Vấn đề sở hữu ruộng đất trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
5. *Luật Đất đai năm 1993*. 1993. Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
6. Nguyễn Văn Khánh. 2013. *Nghiên cứu về quyền sở hữu đất đai ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Khoa học Xã hội và Nhân văn. Tập 9. Số 1.
7. Trần Thị Thu Lương. 1994. *Chế độ sở hữu và canh tác ruộng đất ở Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XIX*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
8. Ủy ban Nhân dân xã Hiệp Phước. 1985. *Báo cáo tổng kết thành tích mười năm sau ngày giải phóng của xã Hiệp Phước*.